ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1868/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Văn bản số 1019/TTg-KTTH ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 bổ sung dự kiến;

Căn cứ Quyết định số 3052/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối liên vùng Tuyên Quang - Hà Giang với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 16/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối liên vùng Tuyên Quang - Hà Giang với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Khung tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 190/TTr-SGTVT ngày 13/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang.

2. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng tuyến đường nhằm kết nối tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hà Giang với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng cao, giải quyết được những điểm nghẽn về giao thông liên vùng, nội vùng của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang, đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh biên giới, phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng

5.1. Phạm vi đầu tư

- Phạm vi đầu tư Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang trong Dự án này là giai đoạn 1 có quy mô 02 làn xe cơ giới, các yếu tố hình học (bình đồ, trắc dọc) đạt tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 100 *(Quy mô Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang hoàn chỉnh theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 là đường cao tốc cấp 100, vận tốc thiết kế 100km/h theoTiêu chuẩn đường ô tô cao tốc TCVN 5729-2012).*

- Điểm đầu dự án: Km00+00, tại nút giao đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ với QL.2D thuộc địa phận xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Điểm cuối dự án: Tại Km77+00 (điểm cuối phạm vi thiết kế cầu Vĩnh Tuy) khớp nối với Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Hà Giang.

- Tổng chiều dài tuyến 77,0km. Trong đó, trước mắt đầu tư xây dựng mới 69,7km; đoạn đầu tuyến sử dụng 7,3km của Dự án xây dựng đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến QL.2D kết nối với với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ (đoạn tuyến này sẽ được tiếp tục đầu tư ở giai đoạn hoàn chỉnh).

5.2. Quy mô đầu tư xây dựng

5.2.1. Cấp đường

- Quy mô giai đoạn 1 gồm 02 làn xe cơ giới, các yếu tố hình học (bình đồ, trắc dọc) đạt tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 100.

- Đường gom, đường hoàn trả: Theo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B tiêu chuẩn TCVN 10380:2014, phù hợp với quy hoạch và thỏa thuận với địa phương; một số đoạn đi trùng đường dân sinh, xây dựng hoàn trả theo quy mô đường hiện tại.

5.2.2. Quy mô mặt cắt ngang

- Đường cao tốc:

+ Giai đoạn 1: Quy mô 02 làn xe cơ giới, bề rộng nền đường Bnền=12,0m; $B_{mặt}$=11,0m (gồm 02 làn xe 2x3,5=7,0m; lề gia cố 2x2,0=4,0m như kết cấu mặt đường, lề đất 2x0,5=1,0m).

+ Giai đoạn hoàn chỉnh: Quy mô mặt cắt ngang nền đường rộng $B_{nền}$ = 25,25m; mặt đường gồm 4 làn xe cơ giới $B_{mặt}$ = 4x3,75m; dải phân cách giữa B_{pc}=0,75m; dải an toàn trong B_{att} = 2x1,0m; làn dừng xe khẩn cấp 2x3,0m; $B_{lề}$ = 2x0,75m.

- Đường gom, đường hoàn trả: Tối thiểu đạt quy mô đường giao thông nông thôn cấp B.

5.2.3. Mặt đường cao tốc và các nhánh nút giao liên thông: Cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu giai đoạn 1 Eyc ≥ 160Mpa.

5.2.4. Công trình cầu

- Công trình cầu thiết kế bằng BTCT và BTCT DƯL theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017; bề rộng cầu phù hợp với bề rộng nền đường; giai đoạn 1 bề rộng cầu Bcầu =12,615m; giai đoạn hoàn chỉnh xây dựng bổ sung 01 đơn nguyên bên cạnh Bcầu=12,615m (hai cầu cách nhau 2,0cm).

- Tải trọng thiết kế: HL93; các tải trọng khác tuân thủ Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823-2017 và các tiêu chuẩn có liên quan.

5.2.5. Nút giao: Xây dựng các nút giao liên thông và trực thông (cầu vượt hoặc đường chui) bảo đảm khai thác an toàn, kết nối thuận lợi.

5.2.6. Tần suất lũ thiết kế

- Đường cao tốc, công trình cầu, cống: P = 1,0%.

- Đường gom, đường hoàn trả: Tần suất thiết kế theo quy định của cấp đường hoặc phù hợp với hiện trạng khai thác.

6. Giải pháp thiết kế

6.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Hướng tuyến: Điểm đầu dự án khớp nối với nhánh A của nút giao giữa QL.2D với cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ (Giai đoạn 1, đoạn đầu tuyến sử dụng 7,3km của Dự án xây dựng đường từ khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến QL.2D kết nối với với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ). Điểm cuối tại Km77+00 khớp nối với đoạn tuyến thuộc địa phận tỉnh Hà Giang.

- Bình đồ tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, đảm bảo phù hợp các điểm khống chế, giảm thiểu tối đa phạm vi giải phóng mặt bằng, cơ bản tránh các khu vực đông dân cư, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, đặc dụng, đất quốc phòng, khu quy hoạch du lịch và di tích lịch sử văn hóa, đền chùa, miếu mạo, nghĩa trang,… đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, hài hòa với cảnh quan trong khu vực.

6.2. Trắc dọc

- Đường cao tốc: Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đường ô tô cao tốc, có tính đến giải pháp đầu tư giai đoạn hoàn chỉnh, các điểm khống chế, đảm bảo tần suất thiết kế, thoát lũ, tĩnh không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với quốc lộ, tỉnh lộ, đường địa phương, tĩnh không thông thuyền,… đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành, giảm khối lượng đào, đắp, đảm bảo các yếu tố về kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

- Đường gom, đường hoàn trả: Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn của cấp đường, phù hợp với cao độ hệ thống đường dân sinh hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư lân cận, đảm bảo việc kết nối thuận lợi giữa các khu dân cư.

6.3. Trắc ngang:

a) Đường cao tốc: Mặt cắt ngang giai đoạn 1 cơ bản bố trí lệch về phía bên phải mặt cắt ngang của giai đoạn hoàn chỉnh; đảm bảo thuận lợi khi mở rộng trong giai đoạn hoàn chỉnh.

b) Vị trí vượt xe: Trên tuyến bố trí các vị trí vượt xe với khoảng cách từ 2,2 ÷ 9,81km/1 vị trí, chiều dài mỗi vị trí khoảng 1,3km (ưu tiên bố trí tại các vị trí nút giao, các đoạn có địa hình thuận lợi). Những vị trí vượt xe thiết kế với quy mô đường cao tốc hoàn chỉnh.

c) Đường gom, đường hoàn trả: Thiết kế đạt tối thiểu theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B, $B_{nền}$=5,0m; $B_{mặt}$=3,5m (phù hợp với quy hoạch của địa phương, thỏa thuận với địa phương).

6.4. Nền đường

- Nền đường đắp thông thường: Đầm nén đạt độ chặt K ≥ 0,95; 30cm phần nền đất trên cùng dưới đáy kết cấu áo đường đầm nén đạt độ chặt K ≥ 0,98; độ dốc mái taluy bên phải tuyến áp dụng là 1/2; độ dốc mái taluy bên trái tuyến áp dụng là 1/1,5.

- Nền đường đào: Độ dốc mái taluy nền đào áp dụng phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn khu vực, tuân thủ quy trình thiết kế; khi chiều sâu đào > 8,0m, mái ta luy đào được chia bậc, mỗi bậc cao từ (6 ÷ 12)m tùy theo điều kiện địa chất, giữa các bậc bố trí bậc cơ rộng B = 2,0m.

6.5. Mặt đường

- Đường cao tốc và các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, lớp mặt bê tông nhựa chặt rải nóng trên các lớp móng đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu E_{yc}≥160Mpa.

- Đường gom, đường hoàn trả: Mặt đường láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với hiện trạng.

6.6. Thiết kế giao cắt

a) Giao cắt liên thông: Thiết kế 07 nút giao liên thông theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh, gồm: Nút giao với QL.37 (khoảng Km12+468,29); nút giao với ĐH.04 (khoảng Km18+560); nút giao với đường đi Trung tâm huyện Yên Sơn (khoảng Km24+820,61); nút giao với QL.3B theo quy hoạch (khoảng Km34+631,00); nút giao với QL.2 (khoảng Km42+878); nút giao với ĐT.191 theo quy hoạch (khoảng Km57+106,47); nút giao với ĐT.189 đi cầu Bạch Xa (khoảng Km70+949,58). Hình thức nút giao dạng Trumpet và bán hoa thị, đảm bảo thuận lợi, phù hợp với kết nối thực tế và dự kiến trong tương lai; tuyến nhánh kết nối đường ngang đảm bảo mỗi chiều 01 làn xe chạy.

b) Giao cắt trực thông

- Cầu vượt đường cao tốc: Xây dựng 01 cầu vượt trực thông trên đường ngang ĐT.189 vượt cao tốc khoảng Km54+175,83; thiết kế cầu vượt đảm bảo phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

- Hầm chui dân sinh: Dự kiến bố trí khoảng 91 hầm chui trên tuyến chính, kết cấu bằng BTCT; khẩu độ hầm chui (BxH) từ 5,0x3,5m đến 7,5x4,75m.

c) Giao bằng: Thiết kế 03 nút giao bằng, gồm: Nút giao đầu tuyến và 02 02 nút giao với dự án Suối Khoáng (khoảng Km3+882 và Km10+256).

6.7. Đường gom, đường hoàn trả: Xây dựng 26,9 km đường gom dân sinh và 18,2 km đường hoàn trả phù hợp với nhu cầu và hiện trạng kết nối hệ thống giao thông trong khu vực, có xét đến quy hoạch của địa phương.

6.8. Công trình cầu: Xây dựng 22 cầu, trong đó: 16 cầu trên đường cao tốc, 05 cầu trên nhánh nút giao liên thông vượt đường cao tốc, 01 cầu vượt trên đường ngang vượt đường cao tốc, cụ thể:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Loại kết cấu	Loại móng
I	**Cầu trên đường cao tốc (16 cầu)**					
1	Cầu Mỹ Lâm	Km11+860,00	1x25	39,10	I25	Cọc BTCT
2	Cầu vượt QL.37	Km12+450,55	3x21	78,2	Dầm bản	Cọc BTCT
3	Cầu Ngòi Là 2	Km16+626,69	39.15+40+39.15	139,45	Super-T	Cọc BTCT
4	Cầu Lang Quán	Km23+647,47	1x38,3	51,95	Super-T	Cọc BTCT
5	Cầu Đức Ninh	Km30+800,00	3x25	87,20	I25	Cọc BTCT
6	Cầu Khe Lãnh	Km36+6,21	1x33	53,65	I33	Cọc BTCT
7	Cầu Ô Rô	Km36+990,50	39.15+3x40+39.15	213,50	Super-T	Cọc BTCT
8	Cầu Ngòi Lũ	Km39+598,89	1x33	54,65	I33	Cọc BTCT
9	Cầu vượt nút giao QL.2	Km42+887,08	39,15+40+39,15	134,45	Super-T	Cọc BTCT
10	Cầu cạn	Km48+278,07	39,15+4x40+39,15	247,95	Super-T	Cọc BTCT
11	Cầu Hàm Yên	Km49+600,00	33+(55+90+55)+3x33	343,425	I33, đúc hẫng cân bằng	Cọc BTCT
12	Cầu suối Thụt	Km57+591,20	2x30	73,20	I30	Cọc BTCT
13	Cầu vượt ĐT.189	Km69+678,90	1 x 33	49,10	I33	Cọc BTCT
14	Cầu Ngòi Họp	Km68+907,22	2 x 33	82,15	I33	Cọc BTCT
15	Cầu Ngòi Lung	Km75+096,10	1 x 33	49,10	I33	Cọc BTCT

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Loại kết cấu	Loại móng
16	Cầu Vĩnh Tuy	Km76+838,74	39,10+2x40+45 +50+45+39,10	294,40	Super-T	Cọc BTCT
II	**Cầu trên nhánh nút giao liên thông vượt cao tốc (05 cầu)**					
1	Cầu trên nhánh nút giao ĐH.04	Km18+560,00	1x38,3	52,40	Super-T	Cọc BTCT
2	Cầu trên nhánh nút giao đi TT huyện Yên Sơn	Km24+820,61	39,15+40+39,15	133,0	Super-T	Cọc BTCT
3	Cầu trên nhánh nút giao QL.3B	Km34+631,00	1x38,3	52,40	Super-T	Cọc BTCT
4	Cầu vượt Km57+106,475	Km57+106,47	39,267+40,23 +39,267	131,91	Super-T	Cọc BTCT
5	Cầu trên nhánh nút giao Bạch Xa	Km70+949,58	1 x 33	49,10	I33	Cọc BTCT
III	**Cầu đường ngang vượt cao tốc (01 cầu)**					
1	Cầu vượt Km54+175,83	Km54+175,83	39,15+40+39,15	134,45	Super-T	Cọc BTCT

- Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm BTCT và BTCT dự ứng lực (dầm bản, dầm Super-T, dầm "I"), riêng kết cấu nhịp chính cầu Hàm Yên sử dụng dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực đúc hẫng cân bằng.

- Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng BTCT, móng cọc BTCT (chiều dài cọc, số lượng cọc, đường kính cọc là dự kiến), trong bước tiếp theo căn cứ vào số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, kết quả thí nghiệm theo quy định, kết quả tính toán kết cấu cầu,... để lựa chọn giải pháp thiết kế cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình.

6.9. Công trình thoát nước:

- Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng hệ thống cống thoát nước ngang đảm bảo đủ khẩu độ thoát nước theo kết quả tính toán thủy văn, thủy lực và phục vụ thủy lợi. Chiều dài cống phù hợp với quy mô nền đường giai đoạn 1.

- Thoát nước mặt: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống rãnh dọc, rãnh đỉnh, rãnh cơ và bậc nước đảm bảo thoát nước nền, mặt đường, ổn định công trình.

- Hoàn trả kênh, mương, suối đối với các đoạn tuyến đi trùng với hệ thống kênh, mương, suối hiện hữu, đảm bảo phù hợp với quy mô mương hiện trạng, quy hoạch thủy lợi của địa phương, khả năng thoát nước của sông, suối.

6.10. Công trình khác

- Công trình phòng hộ: Đối với nền đắp thông thường gia cố bằng trồng cỏ. Đoạn đắp qua khu vực ngập nước thường xuyên gia cố mái taluy bằng tấm BTXM ốp kín 40x40x6cm; đoạn nền đắp cao trên 12,0m thiết kế gia cố mái ta luy bằng BTXM dày 18,0cm. Đối với nền đào, gia cố mái taluy dương đối với những đoạn cần thiết.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT, Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô cao tốc TCVN 5729:2012 và Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 42:2022/TCĐBVN Đường ô tô cao tốc - Thiết kế và tổ chức giao thông.

- Điện chiếu sáng: Bố trí tại các cầu lớn và các nút giao liên thông theo QCVN 07:2016/BXD.

- Trạm dừng nghỉ: Dự kiến bố trí trạm dừng nghỉ tại Km45+100 thuộc địa bàn huyện Hàm Yên. Quy mô xây dựng trạm dừng nghỉ tuân thủ theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô cao tốc TCVN 5729:2012 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ QCVN 43:2012/BGTVT. Nguồn vốn xây dựng và vận hành trạm dừng nghỉ là nguồn vốn xã hội hóa do nhà đầu tư tự thực hiện, không tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

- Các công trình quản lý phục vụ khai thác đường cao tốc: Giai đoạn 1 xây dựng các hào cáp ngang đường trung bình 1km/điểm để chờ đấu nối cáp qua đường; xây dựng nhà quản lý cao tốc tại vị trí nút giao Km34+631,00. Trạm thu phí và hệ thống giao thông thông minh (ITS) sẽ nghiên cứu đầu tư ở giai đoạn hoàn chỉnh.

7. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình giao thông 2 (TECCO 2) - Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đường bộ (HECO) - Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1 - Cienco1 (TECCO1).

8. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn và huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 590,8 ha.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A.

- Cấp công trình: Công trình cấp I.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng (công trình cầu theo TCVN 11823-2017; công trình đường theo TCVN 5729-2012).

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Thiết kế 03 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Khung tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyên Quang.

11. Tổng mức đầu tư: 6.800.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu nghìn, tám trăm tỷ đồng)*. Trong đó:

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TĐC	Đồng	1.454.243.000.000
1	*Tiểu dự án 1: GPMB địa phận TP Tuyên Quang*	*Đồng*	*108.560.000.000*
2	*Tiểu dự án 2: GPMB địa phận huyện Yên Sơn*	*Đồng*	*264.876.000.000*
3	*Tiểu dự án 3: GPMB địa phận huyện Hàm Yên*	*Đồng*	*1.042.359.000.000*
4	*Chi phí di chuyển hạ tầng kỹ thuật*	*Đồng*	*10.755.000.000*
5	*Đo đạc, trích đo bản đồ thu hồi đất*	*Đồng*	*4.000.000.000*
6	*Chi phí lập hồ sơ xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất lúa*	*Đồng*	*1.272.000.000*
7	*Chi phí trồng rừng thay thế*	*Đồng*	*22.421.000.000*
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG, THIẾT BỊ	Đồng	4.582.042.000.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Đồng	29.606.000.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Đồng	169.437.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC	Đồng	96.511.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Đồng	468.161.000.000
	TỔNG CỘNG	**Đồng**	**6.800.000.000.000**

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Trong đó:

a) Ngân sách trung ương: 4.497.170 triệu đồng, trong đó:

- Vốn thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội: Thông báo tại Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ 2.430.000 triệu đồng;

- Vốn thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: Thông báo tại Văn bản số 1019/TTg-KTTH ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ 2.067.170 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 2.302.830 triệu đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành *(Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang).*

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

15.1. Phạm vi giải phóng mặt bằng: Giải phóng mặt bằng toàn bộ theo quy mô quy hoạch đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 *(đường cao tốc 4 làn xe, $B_{nền}$ = 25,25m).* Phạm vi giải phóng mặt bằng bao gồm toàn bộ phạm vi đất của đường bộ đối với tuyến đường cao tốc theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

15.2. Phương án tổ chức thực hiện: Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án được tách thành 03 tiểu dự án độc lập, giao cho các địa phương làm chủ đầu tư thực hiện các tiểu dự án *(trừ các nhiệm vụ: Di chuyển hạ tầng kỹ thuật; đo đạc, trích đo bản đồ thu hồi đất; chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa; trồng rừng thay thế do chủ đầu tư xây dựng dự án thực hiện),* cụ thể:

- Tiểu dự án 1: Giải phóng mặt bằng địa phận thành phố Tuyên Quang. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 2: Giải phóng mặt bằng địa phận huyện Yên Sơn. Giao Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn làm Chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 3: Giải phóng mặt bằng địa phận huyện Hàm Yên. Giao Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên làm Chủ đầu tư.

16. Phương án bảo vệ môi trường: Thực hiện theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3052/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2022 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(Chi tiết theo hồ sơ dự án do Sở Giao thông vận tải thẩm định, trình phê duyệt tại Tờ trình số 190/TTr-SGTVT ngày 13/12/2022).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm toàn diện đối với kết quả thẩm định, nội dung trình phê duyệt Dự án.

Điều 3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án.

2. Có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các nội dung theo ý kiến thẩm định của Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông - Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 2718/CQLXD-DAĐT1 ngày 29/9/2022 và Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1963/SGTVT-QLCL ngày 13/12/2022 để tổ chức thực hiện các bước tiếp theo bảo đảm đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Giao các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân: thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, huyện Hàm Yên thực hiện nội dung tại Quyết định này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các bộ: KH&ĐT, TC, GTVT; (Báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy; (Báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; (Báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 5; (thi hành)
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (Ch).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Văn Sơn